

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG VMG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016
(đã được soát xét)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét	05 - 30
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	08 - 09
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 34



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Truyền thông VMG (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Truyền thông VMG được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101883619 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 10 tháng 02 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ mười lăm ngày 03 tháng 06 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tòa nhà Viễn Đông, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Ngô Diên Hy	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 26/04/2016)
Ông Nguyễn Văn Hải	Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 26/04/2016)
Ông Trần Bình Dương	Ủy viên	
Ông Nguyễn Mạnh Hà	Ủy viên	
Ông Yuichi Kato	Ủy viên	
Ông Domingo Alonso	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Bình Dương	Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Minh Tuấn	Giám đốc điều hành	(Miễn nhiệm ngày 01/03/2016)
Ông Dương Ngọc Cường	Giám đốc Kinh doanh	
Bà Đặng Thị Hường	Giám đốc Tài chính	
Bà Đinh Thị Hồng Duyên	Giám đốc Nhân sự	
Ông Phan Thanh Toàn	Giám đốc Công nghệ	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Đỗ Ngọc Khuê	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Ủy viên Ban Kiểm soát
Bà Bùi Thị Hồng	Ủy viên Ban Kiểm soát

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2016, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trần Bình Dương

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 04 tháng 10 năm 2016

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Truyền thông VMG**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Truyền thông VMG được lập ngày 04 tháng 10 năm 2016 từ trang 05 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Truyền thông VMG chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Truyền thông VMG tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Đỗ Mạnh Cường *Sinh*

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0744-2013-002-1

Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2016

T: (84) 4 3824 1990 | F: (84) 4 3825 3973 | 1 Le Phụng Hieu, Hanoi, Vietnam

A member of **HLB** International

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		669.951.800.076	684.573.174.909
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	137.897.070.173	288.163.740.092
111	1. Tiền		107.897.070.173	63.163.740.092
112	2. Các khoản tương đương tiền		30.000.000.000	225.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	207.371.000.000	173.063.616.667
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		207.371.000.000	173.063.616.667
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		324.576.592.038	216.962.172.009
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	314.416.648.751	208.674.663.485
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	1.727.488.542	1.752.484.602
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	8.432.454.745	6.535.023.922
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		107.137.865	6.383.646.141
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	107.137.865	-
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	13	-	6.383.646.141
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		167.920.160.584	128.894.475.249
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1.619.629.804	1.619.629.804
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	1.619.629.804	1.619.629.804
220	II. Tài sản cố định		32.055.055.900	37.246.380.613
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	28.100.455.900	33.291.780.613
222	- Nguyên giá		51.565.047.659	55.599.262.043
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(23.464.591.759)	(22.307.481.430)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	3.954.600.000	3.954.600.000
228	- Nguyên giá		7.626.933.000	7.626.933.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.672.333.000)	(3.672.333.000)
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	131.288.000.000	85.888.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		125.200.000.000	49.800.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		35.438.000.000	35.438.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		650.000.000	650.000.000
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(30.000.000.000)	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		2.957.474.880	4.140.464.832
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	2.957.474.880	4.140.464.832
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		837.871.960.660	813.467.650.158

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		303.289.354.613	216.337.492.679
310	I. Nợ ngắn hạn		302.691.865.633	215.783.893.299
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	146.953.260.251	142.317.255.516
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		5.155.240.819	1.711.901.101
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	8.745.808.849	13.796.682.528
314	4. Phải trả người lao động		-	5.190.330.333
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	104.258.657.000	25.155.814.837
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	1.709.027.564
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	14	25.098.028.635	10.344.544.229
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		12.480.870.079	15.558.337.191
330	II. Nợ dài hạn		597.488.980	553.599.380
337	1. Phải trả dài hạn khác	14	597.488.980	553.599.380
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		534.582.606.047	597.130.157.479
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	534.582.606.047	597.130.157.479
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		203.930.000.000	203.930.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		203.930.000.000	203.930.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		239.364.150.000	239.364.150.000
415	3. Cổ phiếu quỹ		(111.200.000)	(111.200.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		1.723.420.259	1.723.420.259
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		89.676.235.788	152.223.787.220
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		70.667.787.220	93.769.393.607
421b	LNST chưa phân phối năm nay		19.008.448.568	58.454.393.613
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		837.871.960.660	813.467.650.158

Nguyễn Thị Lê Hiền
Người lập

Đặng Thị Hương
Kế toán trưởng



Trần Bình Dương
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 04 tháng 10 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2016	2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	1.638.454.015.305	680.402.605.724
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.638.454.015.305	680.402.605.724
11	4. Giá vốn hàng bán	18	1.593.986.888.810	637.612.626.384
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		44.467.126.495	42.789.979.340
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	15.314.158.133	8.803.562.858
22	7. Chi phí tài chính	20	30.064.701.258	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		64.701.258	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	8.129.757.945	6.580.731.603
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		21.586.825.425	45.012.810.595
31	11. Thu nhập khác	22	546.238.116	71.865
32	12. Chi phí khác		2.831	-
40	13. Lợi nhuận khác		546.235.285	71.865
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		22.133.060.710	45.012.882.460
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23	3.124.612.142	9.902.834.141
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		19.008.448.568	35.110.048.319



Nguyễn Thị Lê Hiền
Người lập



Đặng Thị Hương
Kế toán trưởng



Trần Bình Dương
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 04 tháng 10 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2016	2015
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		22.133.060.710	45.012.882.460
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		4.148.047.412	1.097.235.739
03	- Các khoản dự phòng		30.000.000.000	
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(15.808.334.672)	(8.803.562.858)
06	- Chi phí lãi vay		64.701.258	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		40.537.474.708	37.306.555.341
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(101.230.773.888)	(9.951.699.329)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		82.345.259.447	50.820.697.941
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.075.852.087	2.304.533.023
14	- Tiền lãi vay đã trả		(64.701.258)	-
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(14.824.238.543)	(16.922.481.807)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.077.467.112)	(5.969.881.289)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		4.761.405.441	57.587.723.880
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.803.021.636)	(1.010.006.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		3.380.359.134	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(108.345.138.889)	(21.910.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		74.037.755.556	300.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(75.400.000.000)	-
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		15.274.274.475	8.803.562.858
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(92.855.771.360)	(13.816.443.142)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		123.000.000.000	-
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(123.000.000.000)	-
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(62.172.304.000)	(50.723.390.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(62.172.304.000)	(50.723.390.000)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2016	2015
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(150.266.669.919)	(6.952.109.262)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		288.163.740.092	259.943.838.660
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>137.897.070.173</u>	<u>252.991.729.398</u>

Nguyễn Thị Lê Hiền
Người lập

Đặng Thị Hương
Kế toán trưởng



Trần Bình Dương
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 04 tháng 10 năm 2016

105
CÔNG TY
KIỂM HỨ
KIỂM
AAS
KIỂM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Truyền thông VMG được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101883619 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 10 tháng 02 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ mười lăm ngày 03 tháng 06 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tòa nhà Viễn Đông, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký kinh doanh là 203.930.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 203.930.000.000 đồng; tương đương 20.393.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh dịch vụ truyền thông.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Công thông tin (không hoạt động báo chí);
- Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet;
- Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi;
- Dịch vụ trò chơi trực tuyến; Dịch vụ truyền thông, phát hành xuất bản phẩm (sách, báo, tạp chí định kỳ); Đại lý cung cấp và khai thác các dịch vụ gia tăng giá trị trên mạng viễn thông, Internet Việt Nam;
- Cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng;
- Sản xuất, mua bán, tổ chức các chương trình phát thanh truyền hình, biểu diễn nghệ thuật sân khấu (trừ các chương trình Nhà nước cấm);
- Dịch vụ vui chơi, giải trí trên truyền hình, các phương tiện thông tin đại chúng (trừ các loại hình vui chơi giải trí Nhà nước cấm);
- Dịch vụ nghiên cứu thị trường;

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Doanh thu và giá vốn trong 6 tháng đầu năm 2016 tăng mạnh so với 6 tháng đầu năm 2015 chủ yếu do sự tăng trưởng của dịch vụ giá trị gia tăng thông qua phương tiện thanh toán trực tuyến. Dịch vụ này có sự tăng mạnh do các nguyên nhân chủ yếu sau:

- Thị trường game online phát triển mạnh với sự ra đời của nhiều game mới, thu hút nhiều người chơi, dẫn tới nhu cầu nạp tiền chơi game gia tăng;
- Công ty Cổ phần Thanh toán Điện tử VNPT (công ty đối tác lớn của VMG) có chính sách cạnh tranh lành mạnh và hấp dẫn hơn, thu hút được thêm lượng lớn khách hàng mới sử dụng dịch vụ này.

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Những người sử dụng các báo cáo tài chính riêng này nên đọc các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các Công ty con (“Tập đoàn”) cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.



2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư được nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

106 - C
CÔNG TY
M. HỮU HẠP
KẾ TOÁN
SC
M. TP. H

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25	năm
- Máy móc, thiết bị	1,5 - 03	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 04	năm
- Quyền sử dụng đất không thời hạn	Không trích khấu hao	
- Phần mềm máy tính	1,5 - 03	năm

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.12 . Các khoản vay

Các khoản vay phát sinh trong kỳ là các khoản thấu chi ngân hàng.

2.13 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.14 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.16 . Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.17 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

2.18 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn.
- Lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.19 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

2.20 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	561.555.644	195.561.413
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	107.335.514.529	62.968.178.679
Các khoản tương đương tiền	30.000.000.000	225.000.000.000
	<u>137.897.070.173</u>	<u>288.163.740.092</u>

Tại ngày 30/06/2016, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng, có giá trị 30.000.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất 5,5 %/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	207.371.000.000	207.371.000.000	173.063.616.667	173.063.616.667
	207.371.000.000	207.371.000.000	173.063.616.667	173.063.616.667

Tại ngày 30/06/2016, các khoản đầu tư ngắn hạn là tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 13 tháng nhưng đến thời điểm lập báo cáo này có thời gian đáo hạn không quá 12 tháng, có giá trị từ 150.000.000 VND đến 50.000.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5,4%/năm đến 6,5%/năm.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con	125.200.000.000	-	49.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Thanh toán điện tử VNPT	74.700.000.000	-	49.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ OCG	50.500.000.000	-	-	-
Đầu tư vào Công ty liên kết	35.438.000.000	30.000.000.000	35.438.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Điện tử Lingo (*)	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Truyền thông VNNPlus	5.438.000.000	-	5.438.000.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác	650.000.000	-	650.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN	650.000.000	-	650.000.000	-
	161.288.000.000	30.000.000.000	85.888.000.000	-

(*): Ngày 03/08/2016, Công ty Cổ phần Thương mại điện tử Lingo (là công ty liên kết của VMG) đã ban hành Quyết định giải thể Công ty với lý do gặp khó khăn trong kinh doanh và liên tục thua lỗ đến mức không có khả năng và triển vọng phục hồi. Số vốn đầu tư của VMG vào Công ty Lingo tại thời điểm 30/06/2016 là 30.000.000.000 đồng. Công ty đã trích lập dự phòng tổn thất khoản đầu tư vào Công ty Lingo bằng 100% giá gốc khoản đầu tư, số tiền: 30.000.000.000 đồng.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/06/2016 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Thanh toán Điện tử VNPT	Tầng 3, Tòa nhà Viễn Đông, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội	62,25%	62,25%	Dịch vụ thanh toán điện tử
Công ty Cổ phần Công nghệ OCG	Tầng 7, Tòa nhà Viễn Đông, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội	50,50%	50,50%	Thực hiện quyền nhập khẩu phần mềm giải trí điện tử và bộ điều khiển trò chơi video

Lí do thay đổi đối với từng khoản đầu tư vào công ty con

- Công ty góp vốn bổ sung vào Công ty Cổ phần Thanh toán Điện tử VNPT, số tiền 24.900.000.000 đồng tương ứng 2.490.000 cổ phần. Sau khi mua số cổ phần này thì tỷ lệ biểu quyết của Công ty trong Công ty Cổ phần Thanh toán VNPT vẫn là 62,25%, không thay đổi so với đầu năm.

- Công ty cùng với hai nhà đầu tư khác góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Công nghệ OCG, số tiền góp vốn của Công ty Cổ phần Truyền thông VMG góp: 50.500.000.000 đồng tương ứng với 5.050.000 cổ phần. Sau khi góp vốn thì tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty trong Công ty Cổ phần Công nghệ OCG là 50,5%.

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2016 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Truyền thông VNNPlus	Tầng 6, toà nhà Như Nguyễn, số 18, ngõ 11 Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, Hà Nội	25,6%	25,6%	Dịch vụ truyền thông.
Công ty Cổ phần Thương mại Điện tử Lingo	Tầng 4, Tòa nhà Viễn Đông, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội	20%	20%	Thương mại điện tử, dịch vụ loyalty.

Đầu tư dài hạn khác

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN (tên cũ là Công ty Cổ phần Đầu tư VietNamNet)	Số 15, ngõ 175/5/167 đường Định Công, quận Hoàng Mai, Hà Nội	1,14%	1,14%	Hoạt động thương mại

5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
Tổng Công ty Viễn thông Viettel - Chi nhánh Tập đoàn Viễn thông Quân đội	139.516.540.503	118.658.367.479
Trung tâm Tính cước và Thanh khoản Mobifone - Chi nhánh Tổng công ty Viễn thông MobiFone	52.495.961.564	10.310.082.900
Trung Tâm Dịch vụ Đa Phương tiện và Giá trị Gia tăng Mobifone - Tổng Công ty Viễn thông Mobifone	36.567.594.578	303.786.572
Ban Khách hàng Cá nhân - Chi Nhánh Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông	32.219.061.273	29.264.369.161
Phải thu của khách hàng khác	53.617.490.833	50.138.057.373
	314.416.648.751	208.674.663.485
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 29)	34.177.150.493	30.519.481.116

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Sky Music	181.092.738	-	177.270.451	-
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel	493.281.250	-	-	-
Trả trước người bán khác	1.053.114.554	-	1.575.214.151	-
	1.727.488.542	-	1.752.484.602	-

7 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về BHXH	1.344.500	-	10.923.857	-
Tạm ứng	8.328.581.447	-	6.433.402.790	-
Phải thu khác	102.528.798	-	90.697.275	-
	8.432.454.745	-	6.535.023.922	-
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	1.619.629.804	-	1.619.629.804	-
	1.619.629.804	-	1.619.629.804	-

8 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	26.182.883.143	25.379.238.900	4.037.140.000	55.599.262.043
- Mua trong kỳ		775.338.000	1.027.683.636	1.803.021.636
- Thanh lý, nhượng bán	-	(4.999.196.020)	(838.040.000)	(5.837.236.020)
Số dư cuối kỳ	26.182.883.143	21.155.380.880	4.226.783.636	51.565.047.659
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	2.691.018.546	17.405.179.165	2.211.283.719	22.307.481.430
- Khấu hao trong kỳ	523.657.662	3.171.235.715	453.154.035	4.148.047.412
- Thanh lý, nhượng bán	-	(2.395.448.086)	(595.488.997)	(2.990.937.083)
Số dư cuối kỳ	3.214.676.208	18.180.966.794	2.068.948.757	23.464.591.759
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu kỳ	23.491.864.597	7.974.059.735	1.825.856.281	33.291.780.613
Tại ngày cuối kỳ	22.968.206.935	2.974.414.086	2.157.834.879	28.100.455.900

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 17.275.638.299 đồng.

9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy vi tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	3.954.600.000	3.672.333.000	7.626.933.000
Số dư cuối kỳ	3.954.600.000	3.672.333.000	7.626.933.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	-	3.672.333.000	3.672.333.000
Số dư cuối kỳ	-	3.672.333.000	3.672.333.000
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	3.954.600.000	-	3.954.600.000
Tại ngày cuối kỳ	3.954.600.000	-	3.954.600.000

(*): Là quyền sử dụng đất không thời hạn tại địa chỉ: 96-98 đường Đào Duy Anh, Phường 9, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, diện tích đất là: 252,8 m² với mục đích sử dụng làm văn phòng và cho thuê.

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 3.672.333.000 đồng.

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	107.137.865	-
	107.137.865	-
b) Dài hạn		
Chi phí thuê văn phòng trả trước	2.957.474.880	4.140.464.832
	2.957.474.880	4.140.464.832

11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty Cổ phần Thanh toán điện tử VNPT	119.051.665.986	119.051.665.986	120.446.306.557	120.446.306.557
Phải trả các đối tượng khác	27.901.594.265	27.901.594.265	21.870.948.959	21.870.948.959
	146.953.260.251	146.953.260.251	142.317.255.516	142.317.255.516
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	119.051.665.986	119.051.665.986	122.147.465.133	122.147.465.133

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 29)

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	7.339.738.045	620.875.151	-	6.718.862.894	-	-	-	6.718.862.894
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	12.824.238.543	3.124.612.142	14.824.238.543	-	1.124.612.142	-	-	-	1.124.612.142
Thuế Thu nhập cá nhân	-	906.927.124	2.121.579.565	2.180.583.884	-	847.922.805	-	-	-	847.922.805
Các loại thuế khác	-	65.516.861	594.588.742	605.694.595	-	54.411.008	-	-	-	54.411.008
	-	13.796.682.528	13.180.518.494	18.231.392.173	-	8.745.808.849	-	-	-	8.745.808.849

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Trích trước chi phí dịch vụ nội dung, quảng cáo, dịch vụ SMS	93.884.970.896	18.840.717.855
<i>Trích trước chi phí dịch vụ phải trả EPAY</i>	83.147.733.062	9.787.763.950
<i>Trích trước chi phí dịch vụ phải trả đối tượng khác</i>	10.737.237.834	9.052.953.905
- Trích trước phí bản quyền	586.512.961	982.887.700
- Chi phí phải trả khác	9.787.173.143	5.332.209.282
	104.258.657.000	25.155.814.837

14 . PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	2.715.712.311	3.356.360.311
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	235.473.300	2.959.082.800
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	20.228.913.750	845.217.750
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.917.929.274	3.183.883.368
	25.098.028.635	10.344.544.229
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	597.488.980	553.599.380
	597.488.980	553.599.380

Công ty Cổ phần Truyền thông VMG

Tòa nhà Viễn Đông, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ		Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND		VND	VND		VND	VND	
Số dư đầu năm trước	203.930.000.000	239.364.150.000		(111.200.000)	1.723.420.259	144.920.543.441	589.826.913.700		
Lãi trong kỳ trước	-	-		-	-	35.110.048.319	35.110.048.319		
Chia cổ tức	-	-		-	-	(50.972.500.000)	(50.972.500.000)		
Số dư cuối kỳ trước	203.930.000.000	239.364.150.000		(111.200.000)	1.723.420.259	129.058.091.760	573.964.462.019		
Số dư đầu năm nay	203.930.000.000	239.364.150.000		(111.200.000)	1.723.420.259	152.223.787.220	597.130.157.479		
Lãi trong kỳ này	-	-		-	-	19.008.448.568	19.008.448.568		
Chia cổ tức (1)	-	-		-	-	(81.556.000.000)	(81.556.000.000)		
Số dư cuối kỳ này	203.930.000.000	239.364.150.000		(111.200.000)	1.723.420.259	89.676.235.788	534.582.606.047		

(1) Công ty thực hiện chia cổ tức của năm 2015 bằng tiền: 4.000 đồng/cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên năm 2016 ngày 27/04/2016.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2016		01/01/2016		Tỷ lệ (%)
	VND	VND	VND	VND	
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT)	57.720.000.000	57.720.000.000	57.720.000.000	57.720.000.000	28,30%
NTT DOCOMO Inc	49.999.980.000	49.999.980.000	49.999.980.000	49.999.980.000	24,52%
Yellow Star Investment 6 Pte. Ltd	45.000.000.000	45.000.000.000	45.000.000.000	45.000.000.000	22,07%
Các đối tượng khác	51.210.020.000	51.210.020.000	51.210.020.000	51.210.020.000	25,11%
	203.930.000.000	203.930.000.000	203.930.000.000	203.930.000.000	100%
					100%



c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	203.930.000.000	203.930.000.000
- Vốn góp đầu kỳ	203.930.000.000	203.930.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	203.930.000.000	203.930.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	81.556.000.000	50.972.500.000
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	81.556.000.000	50.972.500.000
d) Cổ phiếu	30/06/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.393.000	20.393.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.393.000	20.393.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.393.000	20.393.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	4.000	4.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.000	4.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.389.000	20.389.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.389.000	20.389.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000
e) Các quỹ công ty	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.723.420.259	1.723.420.259
	1.723.420.259	1.723.420.259
16 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	30/06/2016	01/01/2016
Ngoại tệ các loại		
Loại ngoại tệ		
- USD	14.007,59	3.678,86
- EUR	167,47	172,93
17 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.638.454.015.305	680.402.605.724
	1.638.454.015.305	680.402.605.724
Doanh thu đối với các bên liên quan	235.812.389.756	3.220.878.454
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 29)		

18 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.593.986.888.810	637.612.626.384
	1.593.986.888.810	637.612.626.384

19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	8.764.274.475	8.803.562.858
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.510.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	39.883.658	-
	15.314.158.133	8.803.562.858

20 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	64.701.258	-
Dự phòng tổn thất đầu tư	30.000.000.000	-
	30.064.701.258	-

21 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	24.777.114	36.265.695
Chi phí nhân công	5.851.557.286	4.421.985.046
Chi phí khấu hao tài sản cố định	92.539.884	81.594.432
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.109.433.521	1.011.143.951
Chi phí khác bằng tiền	1.051.450.140	1.029.742.479
	8.129.757.945	6.580.731.603

22 . THU NHẬP KHÁC

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	534.060.197	-
Thu nhập khác	12.177.919	71.865
	546.238.116	71.865

23 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	22.133.060.710	45.012.882.460
Các khoản điều chỉnh giảm	(6.510.000.000)	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(6.510.000.000)	
Thu nhập chịu thuế TNDN	15.623.060.710	45.012.882.460
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.124.612.142	9.902.834.141
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	12.824.238.543	14.922.481.807
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(14.824.238.543)	(16.922.481.807)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	1.124.612.142	7.902.834.141

24 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	263.293.833	129.743.455
Chi phí nhân công	22.238.099.164	20.141.729.975
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.148.047.413	1.097.235.739
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.572.090.037.534	620.520.350.003
Chi phí khác bằng tiền	3.377.168.811	2.304.298.815
Chi phí sản xuất kinh doanh	1.602.116.646.755	644.193.357.987

25 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	137.897.070.173	-	288.163.740.092	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	324.468.733.300	-	216.829.317.211	-
Các khoản cho vay	207.371.000.000	-	173.063.616.667	-
Đầu tư dài hạn	650.000.000	-	650.000.000	-
	670.386.803.473	-	678.706.673.970	-

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán, phải trả khác	172.648.777.866	153.215.399.125
Chi phí phải trả	104.258.657.000	25.155.814.837
	276.907.434.866	178.371.213.962

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác)

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	137.897.070.173	-	-	137.897.070.173
Phải thu khách hàng, phải thu khác	322.849.103.496	1.619.629.804	-	324.468.733.300
Các khoản cho vay	207.371.000.000	-	-	207.371.000.000
Đầu tư dài hạn	-	650.000.000	-	650.000.000
	668.117.173.669	2.269.629.804	-	670.386.803.473

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	288.163.740.092	-	-	288.163.740.092
Phải thu khách hàng, phải thu khác	215.209.687.407	1.619.629.804	-	216.829.317.211
Các khoản cho vay	173.063.616.667	-	-	173.063.616.667
Đầu tư dài hạn	-	650.000.000	-	650.000.000
	676.437.044.166	2.269.629.804	-	678.706.673.970

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2016				
Phải trả người bán, phải trả khác	172.051.288.886	597.488.980	-	172.648.777.866
Chi phí phải trả	104.258.657.000	-	-	104.258.657.000
	276.309.945.886	597.488.980	-	276.907.434.866
Tại ngày 01/01/2016				
Phải trả người bán, phải trả khác	152.661.799.745	553.599.380	-	153.215.399.125
Chi phí phải trả	25.155.814.837	-	-	25.155.814.837
	177.817.614.582	553.599.380	-	178.371.213.962

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

26 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ		
Tiền thu từ đi vay dưới hình thức thấu chi ngân hàng	123.000.000.000	-
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường;	(123.000.000.000)	-

27 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

28 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty không lập Báo cáo bộ phận do hoạt động của Công ty được thực hiện chủ yếu trong lãnh thổ Việt Nam và hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là kinh doanh dịch vụ.

29 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
		VND	VND
Cung cấp dịch vụ		235.812.389.756	3.220.878.454
Công ty Cổ phần Thanh toán Điện tử VNPT	Công ty con	1.458.678.345	392.764.427
Công ty Cổ phần Thương mại Điện tử Lingo	Công ty liên kết	739.817.094	1.411.685.041
Công ty Cổ phần Truyền thông VNNPlus	Công ty liên kết	1.102.304.791	1.416.428.986
Công ty Cổ phần Công nghệ OCG	Công ty con	49.467.190	-
Ban Khách hàng Cá nhân - Chi Nhánh Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông	Công ty con của cổ đông chính là VNPT	232.462.122.336	-
Mua hàng hóa, dịch vụ		1.429.200.904.367	488.215.425.410
Công ty Cổ phần Thanh toán Điện tử VNPT	Công ty con	1.427.966.486.960	484.303.076.948
Công ty Cổ phần Thương mại Điện tử Lingo	Công ty liên kết	-	171.179.930
Công ty Cổ phần Truyền thông VNNPlus	Công ty liên kết	1.118.472.798	3.741.168.532
Ban Khách hàng Cá nhân - Chi Nhánh Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông	Công ty con của cổ đông chính là VNPT	115.944.609	-
Góp vốn vào công ty		75.400.000.000	-
Công ty Cổ phần Thanh toán Điện tử VNPT	Công ty con	24.900.000.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ OCG	Công ty con	50.500.000.000	-
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		2.756.722.771	-
Công ty Cổ phần Công nghệ OCG	Công ty con	2.756.722.771	-
Nhận cổ tức		6.510.000.000	-
Công ty Cổ phần Thanh toán Điện tử VNPT	Công ty con	4.980.000.000	-
Công ty Cổ phần Truyền thông VNNPlus	Công ty liên kết	1.530.000.000	-

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	30/06/2016	01/01/2016
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		34.177.150.493	30.519.481.116
Công ty Cổ phần Thanh toán Điện tử VNPT	Công ty con	745.601.788	118.644.297
Công ty Cổ phần Thương mại Điện tử Lingo	Công ty liên kết	107.057.128	765.562.014
Công ty Cổ phần Truyền thông VNNPlus	Công ty liên kết	1.105.430.304	370.905.644
Ban Khách hàng Cá nhân - Chi nhánh Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông	Công ty con của cổ đông chính là VNPT	32.219.061.273	29.264.369.161
Phải thu khác ngắn hạn		53.883.697	53.883.697
Công ty Cổ phần Thanh toán Điện tử VNPT	Công ty con	53.883.697	53.883.697
Phải trả cho người bán ngắn hạn		119.051.665.986	122.147.465.133
Công ty Cổ phần Thanh toán Điện tử VNPT	Công ty con	119.051.665.986	120.446.306.557
Công ty Cổ phần Thương mại Điện tử Lingo	Công ty liên kết	-	71.101.900
Công ty Cổ phần Truyền thông VNNPlus	Công ty liên kết	-	1.630.056.676
	Mối quan hệ	30/06/2016	01/01/2016
		VND	VND
Chi phí phải trả		83.516.451.959	9.891.692.850
Công ty Cổ phần Thanh toán Điện tử VNPT	Công ty con	83.147.733.062	9.787.763.950
Công ty Cổ phần Truyền thông VNNPlus	Công ty liên kết	368.718.897	103.928.900
Phải trả khác ngắn hạn		-	876.578.216
Công ty Cổ phần Thương mại Điện tử Lingo	Công ty liên kết	-	876.578.216
Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:		6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
		VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị		1.249.327.467	1.473.478.953



30 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 do đơn vị lập.



Nguyễn Thị Lê Hiền
Người lập



Đặng Thị Hương
Kế toán trưởng



Trần Bình Dương
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 04 tháng 10 năm 2016

